



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 4

Số 28 (15/4/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|--|---|
| 29-3-2010 | Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố. | 2 |
| 29-3-2010 | Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND về phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015. | 7 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- | | | |
|-----------|--|----|
| 23-3-2010 | Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn quận 6. | 37 |
|-----------|--|----|

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định
số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của
Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế
tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 278/TTr-SNV ngày 23 tháng 02 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố ban hành kèm theo Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quy chế:

“**Điều 2.** Tổ dân phố có Tổ trưởng và Tổ phó. Tổ trưởng do nhân dân trong tổ trực tiếp bầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn ra quyết định công nhận. Tổ trưởng là người đại diện cho nhân dân và chính quyền phường, thị trấn để thực hiện một số nhiệm vụ tại tổ, chịu sự quản lý và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn, sự lãnh đạo của Cấp ủy ở khu phố.

Trường hợp tổ dân phố có trên 100 hộ dân có thể bổ trí thêm 01 Tổ phó tổ dân phố. Tổ phó do Tổ trưởng đề nghị sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Ban Công tác Mặt trận, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn quyết định công nhận. Tổ phó là người giúp Tổ trưởng, thay mặt Tổ trưởng chủ trì các buổi họp dân khi Tổ trưởng vắng và thực hiện các nhiệm vụ do Tổ trưởng giao.

Nhiệm kỳ của Tổ trưởng, Tổ phó là hai năm rưỡi. Trong trường hợp thành lập tổ dân phố mới hoặc khuyết Tổ trưởng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chỉ định Tổ trưởng lâm thời hoạt động cho đến khi bầu được Tổ trưởng mới.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy chế:

“**Điều 3.** Khu phố bao gồm nhiều tổ dân phố liền kề trên một địa bàn và có từ 700 hộ dân trở lên. Khu phố có Trưởng Khu phố và Phó Khu phố, do Cấp ủy khu phố đề nghị, sau khi Ban công tác Mặt trận hiệp thương lấy ý kiến đồng thuận với nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn quyết định công nhận. Trường hợp khu phố có trên 700 hộ dân có thể bổ trí thêm 01 Phó Khu phố. Trưởng, Phó Khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng trong tổng mức phụ cấp đối với khu phố theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Mức phụ cấp cụ thể cho từng thành viên ở khu phố do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn bàn với các tổ chức liên quan quyết định.

Nhiệm kỳ của Trưởng, Phó Khu phố là hai năm rưỡi, trong trường hợp thành lập mới khu phố hoặc khuyết Trưởng, Phó Khu phố thì Cấp ủy khu phố đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn quyết định công nhận cùng thời hạn nhiệm kỳ của các khu phố khác trong phường, thị trấn.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 Quy chế:

“1. Việc thành lập mới (bao gồm cả việc chia tách, sáp nhập) tổ dân phố do Ủy ban nhân dân phường lập phương án đề nghị Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định. Đối với thị trấn phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định;

Quy mô tổ dân phố được thành lập mới trên dưới 70 hộ dân, ở những khu vực đông dân, tùy tình hình thực tế số hộ có thể trên dưới 100 hộ dân.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c và d khoản 2 Điều 5 Quy chế:

“c) Nếu có trên 50% số cử tri được lấy ý kiến đồng ý:

- Ủy ban nhân dân phường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

- Đối với thị trấn, phải được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

d) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân quận - huyện gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân quận - huyện;

- Phương án thành lập tổ dân phố mới;

- Bản tổng hợp ý kiến cử tri của tổ dân phố;

- Bản đồ hiện trạng và bản đồ chia tách tổ dân phố.

Đối với thị trấn, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, phải có thêm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị trấn;

- Trích biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân thị trấn.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Quy chế:

“Điều 6. Sinh hoạt tổ dân phố

Tổ dân phố sinh hoạt 3 tháng một lần, khi cần thiết thì họp đột xuất nhưng phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn. Buổi sinh hoạt được tiến hành khi có hơn 50% đại diện hộ tham dự. Tổ trưởng hoặc Tổ phó chủ trì sinh hoạt tổ dân phố, cử người làm thư ký (được đa số người dự họp đồng ý) ghi biên bản sinh hoạt. Biên bản sinh hoạt tổ được gửi đến Ủy ban nhân dân phường, thị trấn sau khi sinh hoạt chậm nhất ba ngày.

Nội dung sinh hoạt tổ dân phố phải chuẩn bị chu đáo, việc kiểm điểm thực hiện

công việc cần ngăn gọn, kế hoạch và biện pháp thực hiện công tác quý tới cần rõ ràng, cụ thể để nhân dân trong tổ dễ nhớ, dễ thực hiện. Ủy ban nhân dân phường, thị trấn chuẩn bị nội dung bằng văn bản để tạo điều kiện cho Tổ trưởng tổ dân phố triển khai đến nhân dân được thuận lợi.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b và c khoản 2 Điều 7 Quy chế:

“b) Bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị trấn; các quyết định của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn; nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn giao;

c) Thảo luận, góp ý kiến về kết quả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và tự phê bình của Tổ trưởng tổ dân phố, các chức danh lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và Hội đồng nhân dân đối với thị trấn;”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Quy chế:

“2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội đồng nhân dân (đối với thị trấn), đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện công nhận.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 Quy chế:

“1. Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thì có thể bị bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong tổ kiến nghị.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 13 Quy chế:

“a) Tổ trưởng làm bản tự kiểm điểm nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân và tự nhận hình thức kỷ luật, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và Trưởng Ban công tác Mặt trận khu phố. Trường hợp Tổ trưởng không tham dự hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Tổ trưởng;”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Quy chế:

“1. Giữ nguyên khu phố hiện có. Chỉ thành lập mới khu phố khi tổ chức quy hoạch lại khu dân cư, tổ chức tái định cư, di dân giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch dân dân hoặc có sự điều chỉnh địa giới hành chính của phường, thị trấn có liên quan đến khu phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Khu phố thành lập mới phải phù hợp với quy mô số hộ dân theo quy định; ranh khu phố phải rõ ràng, tách bạch để dễ quản lý, thuận lợi cho sinh hoạt của dân và phải thông báo nhân dân trong khu phố liên quan.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 15 Quy chế:

“4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố;
- b) Biên bản thẩm định của Ủy ban nhân dân quận - huyện;
- c) Tờ trình của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân quận - huyện;
- d) Phương án thành lập khu phố do Ủy ban nhân dân phường, thị trấn lập;
- đ) Bản tổng hợp ý kiến cử tri ở khu vực liên quan đến thành lập khu phố;
- e) Bản đồ hiện trạng và bản đồ chia tách khu phố.

Đối với thị trấn, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, phải có thêm:

- g) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị trấn;
- h) Trích biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân thị trấn (phần nội dung thành lập khu phố).”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Công văn số 8186/VPCP-KGVX ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về nghiên cứu điều chỉnh chuẩn nghèo;

Căn cứ Công văn số 2647/LĐT BXH-BTXH ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về góp ý tên gọi chương trình giảm nghèo thành phố giai đoạn 2009 - 2015;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố lần thứ 13 khóa VIII (tháng 10 năm 2008) đã thống nhất thông qua đề án Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và Việc làm thành phố tại Tờ trình số 02/TTr-XĐGNVL ngày 12 tháng 01 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Trong hơn hai thập niên qua, Đảng bộ và chính quyền thành phố đã liên tục nỗ lực, phấn đấu, kiên trì thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Nhờ triển khai đồng bộ các chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng với việc đạt được những thành tựu quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, thành phố đã hoàn thành các chương trình, mục tiêu xóa đói giảm nghèo, giúp người nghèo dần được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết tình trạng thiếu việc làm, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn; góp phần quan trọng cùng cả nước thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010 theo hướng “toàn diện hơn, công bằng hơn, bền vững và hội nhập”.

Tính đến cuối năm 2008, Chương trình đã trải qua 2 giai đoạn (1992 - 2003 và 2004 - 2010), với 6 lần điều chỉnh nâng mức chuẩn nghèo cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Từ 121.722 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 17% tổng số hộ dân thành phố vào năm 1992, đến năm 1995, thành phố đã không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 13,5%. Năm 2003, khi kết thúc giai đoạn 1, số hộ nghèo chỉ còn 1.655 hộ, chiếm 0,15%; hoàn thành mục tiêu trước thời hạn 2 năm so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII. Năm 2004, thành phố tiếp tục triển khai Chương trình Xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2 theo lộ trình 2 bước, tiêu chí hộ nghèo cũng được nâng cao hơn - thu nhập bình quân dưới 6 triệu đồng/người/năm không phân biệt khu vực nội thành và ngoại thành; với mục tiêu là cơ bản không còn hộ nghèo vào cuối năm 2010. Qua 5 năm triển khai giai đoạn 2, tổng số hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm từ 89.090 hộ vào đầu năm 2004 chỉ còn 2.754 hộ vào cuối năm 2008; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,72% xuống chỉ còn 0,2%; đưa thành phố hoàn thành mục tiêu “cơ bản không còn hộ nghèo” trước hạn 2 năm so với Nghị quyết Đại hội

Đảng bộ thành phố lần VIII đề ra. Cùng với việc nâng cao thu nhập, điều kiện sống của người nghèo nói riêng và nhân dân thành phố nói chung ngày càng được cải thiện thông qua các chương trình, công trình, dự án đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các chế độ, chính sách an sinh xã hội khác.

Mười sáu năm qua, nhờ có Chương trình này, hơn 200 nghìn hộ nghèo của thành phố (gồm 127.856 hộ trong giai đoạn 1 và 75.818 hộ trong giai đoạn 2) đã được hỗ trợ trực tiếp, tự vươn lên thoát khỏi đói nghèo và tiếp cận cơ hội làm ăn khá giả; bộ mặt của các xã - phường nghèo ngày càng được đổi thay theo hướng tích cực hơn. Hiệu quả của Chương trình Xóa đói giảm nghèo của thành phố không chỉ đơn thuần mang tính an sinh xã hội mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng trên nhiều lĩnh vực, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chương trình đã thể hiện rõ nét bản chất tốt đẹp và tính ưu việt của chế độ ta, là minh chứng cụ thể về phẩm chất chính trị của Đảng bộ và chính quyền thành phố, kiên định và nhất quán trong mục tiêu chăm lo cho nhân dân, vun đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự phát triển chung của thành phố. Những kết quả và kinh nghiệm thực tiễn của 16 năm thực hiện Chương trình Xóa đói giảm nghèo càng cho thấy vai trò quan trọng của công cuộc giảm nghèo trong việc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy có hiệu quả các nguồn lực trong nước và nước ngoài, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh đồng thời với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp, tạo công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo bền vững.

Tuy nhiên, có thể nói những thành tựu giảm nghèo đạt được trong thời gian qua cũng mới chỉ ở bước đầu. Chuẩn nghèo theo tiêu chí của thành phố với mức bình quân thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm (500 nghìn đồng/người/tháng; 16 nghìn đồng/người/ngày), mặc dù cao gấp 2 lần mức chuẩn nghèo của cả nước (thu nhập bình quân dưới 2,4 triệu đồng/người/năm ở khu vực nông thôn và dưới 3,12 triệu đồng/người/năm ở khu vực thành thị), nhưng so với thời điểm hiện nay, cũng chỉ có thể đáp ứng nhu cầu của một người ở mức tối thiểu, tức là chỉ đủ trang trải cho nhu cầu ăn; không đủ trang trải các chi phí khác, kể cả ốm đau, bệnh tật, học hành. Các cơ chế chính sách để hỗ trợ cho người nghèo tuy đã và đang được triển khai thực hiện, song có nơi có lúc còn chưa thống nhất, đồng bộ; chưa thích ứng với điều kiện cụ thể của một số địa phương trong từng giai đoạn và cũng chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Những tác động xã hội ảnh hưởng đến công cuộc giảm nghèo sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cùng với mặt trái của kinh tế thị

trường đang dần bộc lộ và tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân thành phố. Đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế, cùng những hệ quả tiêu cực từ cuối năm 2007, trong năm 2008 và năm 2009 sẽ tiếp tục ảnh hưởng không thuận lợi đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, đời sống của nhân dân; thu nhập của một bộ phận đáng kể người dân đang ở mức cận nghèo và dễ bị tác động do thiên tai, dịch bệnh, mất việc làm. Sức khỏe kém, trình độ học vấn thấp càng làm cho người nghèo khó có khả năng vươn lên thoát nghèo. Việc sắp xếp, củng cố, đổi mới doanh nghiệp nhà nước cùng với quá trình cạnh tranh trong kinh tế thị trường, điều chuyển thị trường lao động sẽ tiếp tục tạo ra nhiều lao động dôi dư, tăng sức ép việc làm. Vấn đề tái nghèo, phát sinh hộ nghèo mới và thất nghiệp sẽ tăng lên; diện chính sách và cán bộ công nhân viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang và người lao động làm công ăn lương sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trước.

Chính vì thế, việc chăm lo cho dân nghèo trong bối cảnh hiện nay không đơn thuần chỉ là thực hiện “một cam kết có tính lịch sử”, mà còn là việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của Đảng ta, một “Đảng cách mạng luôn nhận mình đứng về phía nhân dân, tất cả vì nhân dân lao động”. Thực hiện cam kết này không chỉ căn cứ vào những chính sách trực tiếp, trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá thấu đáo những tác động của cơ chế, chính sách đó đối với các tầng lớp dân nghèo; mà còn phải xuất phát từ tình dân tộc, nghĩa đồng bào; đòi hỏi cả tấm lòng và trách nhiệm, sự chung tay góp sức của toàn Đảng bộ, chính quyền và tất cả các tầng lớp nhân dân.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đã đề ra một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 5 năm 2006 - 2010 là “Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế”, “Phát huy thành quả các chương trình xã hội”, “phấn đấu đến năm 2010 cơ bản xóa hộ nghèo theo tiêu chí mới của thành phố”. Đến nay, thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ này. Tuy nhiên, thực tế công cuộc giảm nghèo của thành phố đang đòi hỏi chương trình phải được tiếp tục nâng cao hơn một bước về chất lượng và hiệu quả, đảm bảo phù hợp với thực tiễn thành phố, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ những kết quả và kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chương trình Xóa đói giảm nghèo thành phố 16 năm qua (1992 - 2008); ngay sau khi về trước 2 năm các mục tiêu xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2004 - 2010 vào cuối năm 2008, thành phố Hồ Chí Minh chuyển sang tổ chức triển khai ngay Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015. Đây là Chương trình kế thừa và

phát huy những thành quả tích cực đạt được từ Chương trình Xóa đói giảm nghèo những năm qua, đồng thời nâng mục tiêu Chương trình Xóa đói giảm nghèo lên một bước tiến mới cao hơn, xa hơn; đẩy nhanh hơn nữa tốc độ giảm hộ nghèo, tăng dần hộ khá giả trên tổng số hộ dân toàn thành phố; phấn đấu hoàn thành với kết quả cao nhất các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm 2006 - 2010 và 2011 - 2015; góp phần giành nhiều thắng lợi hơn nữa trong mục tiêu vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC:

1. Dự báo tình hình và bối cảnh tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội thành phố đến năm 2020:

- Dự báo tăng trưởng GDP của thành phố có khả năng đạt mức tăng bình quân 12%/năm trong giai đoạn 2006 - 2010, 11%/năm trong giai đoạn 2011 - 2015; tổng kim ngạch xuất khẩu (không kể dầu thô) đạt 11 tỷ USD (năm 2010) và 26 tỷ USD (năm 2015). Thành phố phấn đấu đạt mức thu nhập bình quân đầu người khoảng 2.500 USD/người/năm vào năm 2010 và 6.000 USD/người/năm vào năm 2020.

- Cơ cấu lao động trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng, thương mại dịch vụ lần lượt là 2%; 36% và 62%; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 230.000 - 240.000 lao động; trong đó có 120.000 - 150.000 việc làm mới. Tỷ lệ lao động chưa có việc làm giảm từ 5,5% vào năm 2008 giảm xuống còn 5% vào năm 2010 và 4% vào năm 2020.

- Thành phố đang tập trung đầu tư, chỉnh trang đô thị hiện hữu và mở rộng đô thị mới nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng một đô thị cấp quốc gia với quy mô dân số khoảng 7,2 triệu người vào năm 2010 và 10 triệu người vào năm 2020 (chưa tính vãng lai, trong đó hơn 90% là dân số đô thị); cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội văn minh hiện đại, bảo đảm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện dân sinh theo tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/BCT và Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị; tạo tiền đề mở rộng không gian đô thị thành phố theo quy mô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2020. Đã hình thành các khu đô thị vệ tinh như Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Khu đô thị Tây Bắc, Khu Công nghệ cao thành phố, Khu Nam thành phố. Hiện thành phố đang tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông trọng điểm và triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án xây dựng hệ thống đường sắt đô thị khối lượng lớn như các tuyến metro, monorail, tramway nhằm giảm bớt áp lực giao thông khu vực nội đô. Về nguồn nhân lực, thành phố có lợi thế trên cả

3 lực lượng đội ngũ khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề và đội ngũ doanh nhân. Các nguồn vốn huy động thông qua thị trường vốn trên địa bàn thành phố chiếm 1/3 tổng nguồn vốn huy động của cả nước.

- Thành phố Hồ Chí Minh có truyền thống năng động, sáng tạo, nhạy bén với cơ chế thị trường, là nơi khởi xướng và đi đầu trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kể cả các phong trào có tính chất xã hội, từ thiện. Từ thực tiễn của thành phố Hồ Chí Minh, nhiều kinh nghiệm, nhiều sáng kiến về cơ chế quản lý và chính sách trong tiến trình đổi mới đã được thử nghiệm, vận dụng và tiếp tục nhân rộng, được đúc kết để xây dựng thành chính sách, cơ chế chung. Những đóng góp về tìm tòi, sáng tạo, thí điểm cơ chế mới của thành phố Hồ Chí Minh cũng đã góp phần hình thành đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng, đồng thời rút kinh nghiệm cho cả nước.

- Mặc dù vậy, bên cạnh đó, điều kiện hạ tầng kỹ thuật và xã hội của thành phố còn bất cập so với yêu cầu tăng trưởng kinh tế và cải thiện dân sinh, đang đòi hỏi nguồn đầu tư rất lớn, nhất là lĩnh vực giao thông, cấp thoát nước, xử lý rác và bảo vệ môi trường; việc tăng nhanh dân số cơ học, tệ nạn xã hội, trình độ văn hóa của thị dân cũng là vấn đề lớn trong phát triển đô thị, đòi hỏi phải bảo đảm cân đối, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

2. Dự báo những thuận lợi, khó khăn của chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố:

a) Thuận lợi:

- Kinh tế thành phố tiếp tục giữ mức tăng trưởng hợp lý, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Thành phố luôn ưu tiên tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm hộ nghèo và làm chuyển biến bộ mặt các vùng nghèo; tạo mọi điều kiện để giảm nghèo toàn diện và bền vững. Chương trình giảm nghèo ngày càng được các Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ thành phố đến quận - huyện và phường - xã, thị trấn (khu phố - ấp) quan tâm tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ, được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

- Qua thực tiễn của 16 năm thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, thành phố đã thu được nhiều kết quả và bài học kinh nghiệm về cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành, huy động nguồn lực và chỉ đạo, thực hiện; đã tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi và rộng khắp, mang tính xã hội hóa cao. Đặc biệt trong giai đoạn 2, chương trình đã đẩy mạnh được các biện pháp hỗ trợ nâng thu nhập và mở rộng các hoạt động chăm lo cho hộ nghèo thiết thực và toàn diện hơn; thể hiện được sự chủ động, linh hoạt trong tiếp cận với nhu cầu đa dạng của người nghèo, hộ nghèo.

Cơ chế, chính sách không chỉ dừng lại ở nâng thu nhập, giảm hộ nghèo trong chuẩn nghèo mà còn mở rộng ra diện cận nghèo để ngăn chặn tái nghèo; đồng thời, mở ra khả năng giải quyết dứt điểm mục tiêu giảm hộ nghèo trên từng địa bàn cơ sở trong năm 2008. Đây là những tiền đề quan trọng để xây dựng Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015.

- Người nghèo, hộ nghèo thành phố ngày càng có nhận thức đúng đắn, có ý thức tự phấn đấu vươn lên giảm nghèo; biết thực hành tiết kiệm, học hỏi cách làm ăn, tận dụng các cơ hội và sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ trên các mặt của Nhà nước và cộng đồng. Đây là yếu tố đóng vai trò quyết định trong suốt quá trình thực hiện Chương trình giảm nghèo của thành phố.

- Hệ thống tổ chức cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp ngày càng được củng cố và phát triển đi sâu về chất, có trình độ nghiệp vụ, hiểu rõ tình hình các hộ nghèo ở địa phương, cơ sở, có tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân, biết làm tốt công tác vận động quần chúng, có tấm lòng và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Những khó khăn thách thức:

- Những tác động xã hội ảnh hưởng đến công cuộc giảm nghèo sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cùng với mặt trái của kinh tế thị trường tiếp tục bộc lộ và tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của cá nhân, gia đình và các nhóm dân cư trong xã hội. Theo dự báo, kinh tế thành phố sẽ tiếp tục tăng trưởng cao, nhưng khoảng cách phân tầng xã hội giữa hai cực giàu và nghèo có xu hướng ngày càng giãn rộng.

- Tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của thành phố sẽ phát sinh những tác động tiêu cực ảnh hưởng đến một bộ phận dân cư trở nên nghèo hoặc tái nghèo trở lại. Cơ sở hạ tầng các xã nghèo tuy được tăng cường một bước, nhưng những nhu cầu bức xúc vẫn còn nhiều. Bên cạnh đó, tốc độ gia tăng dân số cơ học tiếp tục gây sức ép lớn cho thành phố, đòi hỏi hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phải được tăng nhanh đầu tư và cải tạo, duy tu; yêu cầu bức xúc về việc phát triển hạ tầng xã hội (sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội...) của thành phố cũng không ngừng tăng cao, một bộ phận dân nghèo, lao động nhập cư đang sinh sống tại thành phố chưa có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Những kết quả đạt được trong công tác xóa đói, giảm nghèo thời gian qua vẫn mới chỉ là những thành công bước đầu, mới chỉ đảm bảo “xóa đói”, còn kết quả “giảm nghèo” nhìn chung còn thiếu tính căn cơ, bền vững. Chuẩn nghèo theo tiêu chí

của thành phố với mức bình quân thu nhập đầu người dưới 6 triệu đồng/người/năm (500.000 đồng/người/tháng) ở thời điểm hiện nay chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cuộc sống; không đủ tích lũy để đề phòng tai nạn, ốm đau, mất việc làm...; nguy cơ tái nghèo còn khá cao.

- Các cơ chế chính sách để hỗ trợ cho người nghèo tuy đã và đang được triển khai thực hiện, song chưa thống nhất, đồng bộ ở một số ngành; chưa thích ứng với điều kiện cụ thể của một số địa phương trong giai đoạn giảm nghèo và chưa được kịp thời sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, vì vậy hiệu quả thực hiện chưa cao. Người nghèo, hộ nghèo thành phố, nhất là ở khu vực nông thôn có trình độ học vấn thấp, thiếu tay nghề kỹ thuật nhưng việc dạy nghề gặp khó khăn do lao động nghèo phải mưu sinh không thể yên tâm theo học một thời gian dài. Thị trường lao động của thành phố hình thành từ nhiều nguồn, khó kiểm soát, khó quản lý dẫn đến phát triển tự phát và cạnh tranh quyết liệt, ảnh hưởng lớn đến cơ hội làm ăn, mưu sinh của người nghèo, hộ nghèo.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Thành phố xác định tăng trưởng kinh tế cao, bền vững là điều kiện chủ yếu và là nhân tố quan trọng để rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa khu vực thành thị và nông thôn, thu hẹp chênh lệch về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, tạo nguồn lực để tăng phúc lợi, cải thiện điều kiện sống, giảm nghèo, tăng khả năng và thực hiện công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nhằm tạo thêm việc làm, nâng cao sức khỏe cộng đồng, giảm nghèo, tăng hộ khá, ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả các tệ nạn xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ tạo ra thêm nhiều nguồn lực để giảm nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận được các cơ hội cải thiện cuộc sống, nỗ lực vươn lên tự thoát nghèo.

2. Việc thực hiện công tác giảm nghèo phải được kết hợp một cách chặt chẽ, đồng bộ giữa việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn dân cư của từng phường - xã, quận - huyện và toàn thành phố; đồng thời có cơ chế, chính sách giảm nghèo phù hợp đối với từng khu vực thành thị, đô thị hóa và nông thôn của thành phố. Trong giai đoạn hiện nay, một mặt phải tạo ra môi trường, cơ hội phát triển thuận lợi; mặt khác, phải trợ giúp hữu hiệu cho người nghèo về tri thức (trình độ học vấn, đào tạo tay nghề), giúp họ tiếp cận được các nguồn lực phát triển (vốn, kỹ thuật, thông tin, thị trường...); động viên người nghèo, hộ nghèo tăng cường phát huy nội lực, chủ động, nỗ lực, có niềm tin, có ý thức tiết kiệm và ý chí tự vươn lên thoát nghèo.

3. Chương trình phải bảo đảm nâng cao tính xã hội hóa, trên cơ sở tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, của cộng đồng xã hội và của chính bản thân người nghèo, hộ nghèo; tạo thành một phong trào hành động cách mạng liên tục, sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; huy động sức mạnh của cả cộng đồng, các nguồn lực trong nước và nước ngoài để hỗ trợ có hiệu quả cho người nghèo, hộ nghèo và vùng nghèo của thành phố. Trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong chỉ đạo và xúc tác khơi nguồn; có sự tham gia hỗ trợ tích cực của cộng đồng xã hội và người nghèo, hộ nghèo là nhân tố quyết định trong việc nỗ lực, phấn đấu giảm nghèo, vươn lên khá giả.

4. Phải bảo đảm tính bền vững của chương trình, tập trung hỗ trợ chăm lo để từng bước cải thiện và nâng dần điều kiện sống, mức sống và chất lượng cuộc sống của các hộ vừa mới vượt nghèo, chống tái nghèo và tăng hộ khá; chú trọng nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nghề và giải quyết việc làm ổn định, nâng cao năng suất lao động để từ đó góp phần tăng thu nhập để có tích lũy giảm nghèo, vươn lên khá; gắn với việc làm chuyển biến cách sống, lối sống văn minh cho người nghèo, hộ nghèo trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, phải hết sức chú ý tránh các hình thái nghèo mới; đồng thời, phải theo dõi, kiểm soát và hình thành chính sách bảo vệ những hộ cận nghèo khỏi rơi vào diện hộ nghèo của thành phố.

5. Phải có lộ trình, bước đi thích hợp và đảm bảo hiệu quả thực chất trong các hoạt động giảm nghèo; không chạy theo thành tích, phô trương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, trên tinh thần công khai, dân chủ và đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, tiêu cực; nhất là trong quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình. Bên cạnh đó, tập trung củng cố, nâng cao tính chuyên nghiệp của lực lượng cán bộ chuyên trách giảm nghèo các cấp và coi trọng chất lượng hoạt động các tổ, nhóm giảm nghèo, tổ hợp tác của người nghèo; chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp, các ngành đảm bảo đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

III. MỤC TIÊU, LỘ TRÌNH VÀ CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu tổng quát:

Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2015 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu cơ bản sau:

a) Tạo sự chuyển biến tích cực hơn về mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống của người nghèo. Tập trung đẩy mạnh tiến độ giảm hộ nghèo theo hướng

tiếp cận chuẩn nghèo trong khu vực và thế giới hiện nay¹; chống tái nghèo và tăng dần tỷ lệ hộ khá giả nhằm thu hẹp hơn nữa khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giảm dần cách biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp và các nhóm dân cư trong xã hội.

b) Đạt được kết quả cao trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm cho mọi người dân thành phố đều được đáp ứng các nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở; được chăm sóc sức khỏe và có cơ hội học hành, được giới thiệu việc làm phù hợp với khả năng để có thể tự lao động, vươn lên trong cuộc sống.

2. Về mức chuẩn nghèo của thành phố giai đoạn 2009 - 2015:

Điều chỉnh, nâng mức chuẩn nghèo của thành phố theo tiêu chí thu nhập bình quân đầu người là **12 triệu đồng/người/năm** trở xuống không phân biệt nội thành và ngoại thành.

Theo kết quả khảo sát, tổng số hộ nghèo được lập danh sách tại phường - xã, thị trấn (có thu nhập từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống) đến ngày 30 tháng 10 năm 2009 là 152.328 hộ, chiếm tỷ lệ 8,4% tổng hộ dân thành phố (82.506 hộ nghèo, hộ vừa vượt chuẩn nghèo giai đoạn 2 và 70.000 hộ phát sinh theo mức chuẩn nghèo mới).

3. Lộ trình và chỉ tiêu cụ thể:

Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố giai đoạn 2009 - 2015 được thực hiện theo phương thức cuốn chiếu: vừa tập trung nâng dần mức thu nhập của hộ nghèo trong chuẩn lên theo từng năm, để tạo tích lũy; vừa tác động tích cực cho nhóm hộ có thu nhập từ 10 - 12 triệu đồng/người/năm vượt qua mức chuẩn nghèo giai đoạn 3, để trở thành hộ khá với lộ trình 3 bước và được dự tính trong 2 tình huống cụ thể sau:

a) Phương án 1: Kinh tế thành phố tiếp tục tăng trưởng trong điều kiện bình thường:

Tốc độ giảm nghèo mỗi năm trong giai đoạn này là từ 1 đến 1,2% (đây là mức phân đầu rất cao).

Tập trung hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo theo hướng cải thiện, nâng dần mức sống, điều kiện sống, chất lượng cuộc sống của từng hộ nghèo và theo phương thức

¹ Ngân hàng Thế giới (WB) đưa 2 mức khuyến nghị thang đo nghèo đói (ở các nước đang phát triển) là thu nhập dưới 1 USD/người/ngày và dưới 2 USD/người/ngày được chuyển đổi theo sức mua tương đương (PPP) năm 1993; 1,08 USD/người/ngày và 2,16 USD/người/ngày năm 2002; 1,25 USD/người/ngày và 2,5 USD/người/ngày năm 2006. Còn Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) định nghĩa nghèo theo thu nhập, theo đó một người được coi là nghèo khi thu nhập ít hơn 1/2 mức thu nhập bình quân/người/năm của quốc gia.

cuốn chiếu. Phần đầu hạ tỷ lệ hộ nghèo từ **8,4%** (năm 2009) xuống còn **khoảng 1%** tổng số dân thành phố vào năm 2015. Cụ thể:

- *Bước 1:* Thực hiện trong 2 năm (2009 - 2010): Tốc độ giảm nghèo mỗi năm là 0,5% - 0,8%.

Tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo có mức thu nhập từ 8 triệu đồng/người/năm trở xuống (113.000 hộ). Phần đầu mỗi năm hỗ trợ nâng thu nhập cho 25.000 - 30.000 hộ lên trên 8 triệu đồng/người/năm; 10.000 - 15.000 hộ lên trên 10 triệu đồng/người/năm và mỗi năm có 5.000 - 10.000 hộ vượt nghèo giai đoạn 3. Đến cuối năm 2010, có ít nhất 10 quận nội thành cơ bản không còn hộ nghèo có mức thu nhập dưới 8 triệu (dưới 1%); tỷ lệ hộ nghèo thành phố là 7,2% so với tổng số dân thành phố.

Tiếp tục hỗ trợ cho số hộ nghèo có mức thu nhập bình quân từ 6 triệu đồng/người/năm trở xuống còn lại ở một số quận - huyện nghèo chưa hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2 của thành phố;

- *Bước 2:* Thực hiện trong 2 năm (2011 - 2012): Tốc độ giảm nghèo mỗi năm là 1%.

Tiếp tục hỗ trợ nâng thu nhập mỗi năm cho 20.000 - 25.000 hộ lên trên 10 triệu đồng/người/năm và đến cuối năm 2012, cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập từ 8 triệu đồng/người/năm trở xuống; đồng thời mỗi năm có 12.000 - 15.000 hộ vượt nghèo. Phần đầu đến cuối năm 2012, có ít nhất 10 quận nội thành cơ bản không còn hộ nghèo có mức thu nhập từ 10 triệu đồng/người/năm trở xuống (dưới 1%); tỷ lệ hộ nghèo thành phố là 4,2% so với tổng số dân thành phố.

- *Bước 3:* Thực hiện trong 3 năm (2013 - 2015): Tốc độ giảm nghèo mỗi năm là 1,5 - 1,8%.

Tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo có mức thu nhập từ trên 10 triệu đến 12 triệu đồng/người/năm; mỗi năm giảm 25.000 - 30.000 hộ. Phần đầu đến cuối năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 1% tổng hộ dân thành phố; Hoàn thành mục tiêu thành phố cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập 12 triệu đồng/người/năm trở xuống.

(Đính kèm các biểu kế hoạch nâng thu nhập và giảm hộ nghèo).

b) Phương án 2: Trường hợp kinh tế thành phố diễn biến không thuận lợi:

Trường hợp kinh tế - xã hội thành phố có bị tác động khó khăn (sẽ làm chậm tốc độ giảm nghèo, đồng thời tăng nguy cơ tái nghèo). Tốc độ giảm nghèo bình quân mỗi năm trong giai đoạn 3 này là từ 0,5 - 0,8%. Phần đầu hạ tỷ lệ hộ nghèo từ 8,4% (năm 2009) xuống còn khoảng 3% tổng hộ dân thành phố. Dự kiến như sau:

- *Bước 1*: Thực hiện trong 2 năm (2009 - 2010):

Tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo có mức thu nhập từ 8 triệu đồng/người/năm (113.000 hộ). Phân đầu mỗi năm nâng thu nhập cho 10.000 - 15.000 hộ lên trên 8 triệu đồng/người/năm; 5.000 - 10.000 hộ lên trên 10 triệu đồng/người/năm và mỗi năm có 3.000 - 5.000 hộ vượt nghèo.

Tiếp tục hỗ trợ cho số hộ nghèo có mức thu nhập bình quân từ 6 triệu đồng/người/năm còn lại ở một số quận - huyện nghèo chưa hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2 của thành phố (khoảng 4.000 hộ);

- *Bước 2*: Thực hiện trong 2 năm (2011 - 2012):

Tập trung hỗ trợ nâng thu nhập mỗi năm cho 10.000 - 15.000 hộ lên trên 10 triệu đồng/người/năm. Đến cuối năm 2012, cơ bản không còn hộ nghèo có thu nhập dưới 8 triệu đồng/người/năm; đồng thời mỗi năm có 10.000 - 15.000 hộ vượt nghèo.

- *Bước 3*: Thực hiện trong 3 năm (2013 - 2015):

Tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo có mức thu nhập từ trên 10 - 12 triệu đồng/người/năm; mỗi năm giảm 15.000 - 20.000 hộ. Phân đầu đến cuối năm 2015, hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 3% tổng hộ dân thành phố.

Tiếp tục hỗ trợ cho số hộ nghèo có mức thu nhập bình quân dưới 12 triệu đồng/người/năm còn lại ở một số quận - huyện nghèo.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Thành phố xác định nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới là phải đưa công tác giảm nghèo, tăng hộ khá trở thành công tác trọng tâm của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm, trong đó tập trung vào các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo có tư liệu và phương tiện để sản xuất, làm ăn, bảo đảm an ninh lương thực ở cấp hộ gia đình, nâng cao thu nhập để tự vượt nghèo; gia tăng cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là dịch vụ giáo dục, y tế, nước sạch; giảm thiểu rủi ro do thiên tai, bão lụt và tác động tiêu cực của quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm giảm nghèo bền vững. Đồng thời tiếp tục tăng cường hỗ trợ các xã nghèo phát triển hạ tầng cơ sở, phát triển sản xuất hàng hóa và dịch vụ, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển, về mức sống giữa thành thị và nông thôn và giữa các nhóm dân cư trong xã hội.

1. Phát triển kinh tế đi đôi với giảm nghèo bền vững và căn cơ:

a) Thành phố tập trung phát triển các ngành kinh tế chủ lực để đạt tốc độ tăng

trưởng kinh tế cao. Các sở - ban - ngành chức năng, các quận - huyện tăng trưởng khá hơn có trách nhiệm tham gia tích cực vào các chương trình, dự án giảm nghèo; chia sẻ, hỗ trợ cho các quận - huyện, phường - xã nghèo.

b) Tổ chức phối hợp lồng ghép có hiệu quả Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá với các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và từng địa phương, như Chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo kỹ năng, tay nghề người lao động; Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao; Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường, Chương trình chỉnh trang, nâng cấp đô thị; Chương trình phổ cập giáo dục; chăm sóc sức khỏe và các chương trình an sinh xã hội, từ thiện khác...; chú ý tính đến các giải pháp và khả năng ưu tiên hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo.

c) Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc trong quá trình đô thị hóa; tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở nội thành và thiếu việc làm ở nông thôn. Đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả theo hướng phát triển kinh tế hợp tác, khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhằm tập trung đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và đảm bảo tích lũy cho người nghèo, hộ nghèo; từng bước cải thiện và nâng dần mức sống và chất lượng cuộc sống, giảm dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa người giàu và người nghèo.

2. Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để người nghèo, hộ nghèo, các xã - phường nghèo tiếp cận được các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội cơ bản:

a) Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo tổ chức sản xuất làm ăn, đi đôi với phát triển kinh tế tự vượt nghèo, tăng hộ khá; khuyến khích hộ làm giàu chính đáng thông qua các chính sách, biện pháp hỗ trợ về cho vay ưu đãi và tín dụng nhỏ gắn với hướng dẫn khuyến nông - lâm - ngư, phát triển ngành nghề, đào tạo nghề theo hướng điều chỉnh chọn lọc các ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng khu vực (nội thành, đô thị hóa, nông thôn ngoại thành) và theo quy mô, điều kiện, khả năng của từng hộ. Tổ chức tư vấn, nâng cao kiến thức kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, nhằm chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động, thay đổi các tập quán, thói quen của người nghèo, hộ nghèo; trong cách sản xuất làm ăn và sinh hoạt gia đình, quan hệ xã hội. Tăng cường sự tham gia của người nghèo, hộ nghèo vào việc hoạch định, xây dựng kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở.

b) Phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người

nghèo, hộ nghèo thông qua thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội về bảo hiểm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, nâng cao trình độ dân trí, nhất là đối với lực lượng thanh niên nghèo...; xem đây là chìa khóa để thực hiện giảm nghèo bền vững, lâu dài.

c) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa trong các hộ nghèo, gắn với Chương trình mục tiêu “3 giảm”: giảm tội phạm, mại dâm và ma túy và công tác phòng, chống các loại tệ nạn xã hội; từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là ở các vùng nông thôn ngoại thành.

3. Huy động, bố trí nguồn lực tập trung đầu tư cho địa bàn trọng điểm và các hoạt động ưu tiên:

a) Tập trung nguồn lực vào các mục tiêu dự án ưu tiên đẩy nhanh tốc độ và quy mô giảm nghèo, tăng hộ khá; các chương trình làm chuyển biến rõ tình trạng nghèo ở các xã - phường, thị trấn, nhất là các xã - phường nghèo. Tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng ở các nơi này, bảo đảm điều kiện phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, cải thiện điều kiện và chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo.

b) Xã hội hóa việc huy động các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo - tăng hộ khá; tạo thành phong trào sâu rộng thu hút và động viên sự tham gia ủng hộ của các tầng lớp dân cư, các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế - xã hội hỗ trợ người nghèo và vùng nghèo. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về kinh nghiệm, kỹ thuật tài chính để đẩy nhanh quá trình giảm nghèo ở thành phố.

c) Thời gian tới, công tác giảm nghèo tập trung vào các địa bàn khó khăn nhất, vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ cách mạng và ưu tiên đối tượng là phụ nữ, trẻ em nghèo; tập trung giải quyết các vấn đề đặc thù của nghèo đô thị về việc làm, thu nhập, nhà ở; bảo đảm người nghèo đô thị tiếp cận một cách công bằng, bình đẳng các nguồn lực, dịch vụ công và dịch vụ xã hội cơ bản. Từng bước hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội để trợ giúp có hiệu quả cho người nghèo, hộ nghèo và các đối tượng xã hội yếu thế, neo đơn.

4. Tiếp tục hoàn thiện về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý chương trình:

a) Các Cấp ủy Đảng chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo và có nghị quyết, chương trình hành động cụ thể triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện cụ thể mục tiêu giảm nghèo, tăng hộ khá và từng bước cải thiện nâng dần mức sống, chất lượng cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo ở từng địa phương, đơn vị.

b) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo từ thành phố

đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn về kiến thức nghiệp vụ chuyên môn và quản lý điều hành chương trình cho phù hợp với nhiệm vụ được giao; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ tự quản giảm nghèo, tổ vượt nghèo và tổ hợp tác của những người nghèo, tiếp tục bổ sung chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở.

c) Thiết lập hệ thống phương pháp giám sát, đánh giá hiệu quả chương trình; tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên các hoạt động giảm nghèo ở các cấp, các ngành. Đồng thời đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng và người dân trong hoạt động giám sát, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chương trình giảm nghèo và nâng cao mức sống của người dân. Có cơ chế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, hiệu quả giữa các sở - ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn, cơ quan Mặt trận và các đoàn thể trong các hoạt động giảm nghèo, cải thiện, nâng dần mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn thành phố. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, chính sách mục tiêu giảm nghèo.

V. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Song song với việc thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, phòng chống thiên tai, giảm rủi ro cho nhóm yếu thế thông qua cơ chế xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng làm; động viên người nghèo nỗ lực, phấn đấu thoát nghèo, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng xã hội thực hiện giảm nghèo bền vững, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Giải pháp trọng tâm của Chương trình không phải là vấn đề trợ giúp về vốn. Nhà nước không bao cấp, không hỗ trợ toàn bộ mà chỉ ban hành và vận dụng các cơ chế, chính sách phù hợp trong từng giai đoạn; giảm dần tỷ lệ hỗ trợ từ nguồn ngân sách thành phố. Vấn đề quan trọng mang tính quyết định là chính bản thân người nghèo, hộ nghèo phải tăng cường phát huy nội lực, tự thân vận động, chủ động phấn đấu, nỗ lực vượt nghèo, vươn lên khá giả; đảm bảo bản thân có việc làm và thu nhập ổn định. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình thông qua mô hình hợp tác, liên kết (vốn, kỹ thuật...) trong làm ăn, sản xuất kinh doanh, phát triển các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa để có thể tồn tại, đứng vững và phát triển ổn định trong giai đoạn mới; hạn chế mô hình làm ăn nhỏ, riêng lẻ, manh mún, thiếu căn cơ.

1. Tổ chức huy động và sử dụng các nguồn lực:

a) Dự kiến năm 2010, tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố đạt khoảng 2.500 tỷ. Trong giai đoạn từ năm 2010

đến 2015, mỗi năm tăng thêm 350 - 400 tỷ đồng. Đến năm 2015, tổng nguồn vốn huy động đạt khoảng 4.000 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Huy động các nguồn tín dụng ưu đãi và tín dụng nhỏ trên địa bàn thành phố cung cấp vốn vay cho hộ nghèo: năm 2009 huy động đạt 2.139 tỷ đồng, mỗi năm tăng khoảng 350 - 400 tỷ đồng. Dự kiến đến năm 2015 đạt khoảng 3.680 tỷ đồng.

- Huy động các nguồn vốn cho quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi trên địa bàn thành phố (Quỹ 156): hàng năm khoảng 200 tỷ đồng; trong đó cho vay ưu đãi từ 150 tỷ - 180 tỷ đồng/năm.

- Nguồn ngân sách thành phố và quận - huyện đầu tư trực tiếp cho chương trình: năm 2009 đạt 168 tỷ đồng và đến năm 2015 khoảng 160 tỷ đồng.

- Nguồn vốn vận động trong dân (hỗ trợ không hoàn lại), hàng năm khoảng 60 - 70 tỷ đồng.

b) Tiếp tục đẩy mạnh cho vay vốn từ các nguồn vốn ưu đãi của Quỹ hỗ trợ giảm nghèo, Quỹ quốc gia về việc làm, vốn tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng của các đoàn thể. Gắn cho vay vốn với hướng dẫn hộ nghèo cách làm ăn theo hướng điều chỉnh cơ cấu vay vốn ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương và theo khả năng quy mô, trình độ sản xuất từng hộ; giải quyết đầu ra ổn định cho sản phẩm của người nghèo, hộ nghèo, trong đó:

- Quỹ hỗ trợ giảm nghèo tập trung cho vay nhóm hộ có thu nhập từ 8 triệu đồng/người/năm trở xuống có nhu cầu vay vốn để sản xuất làm ăn và đầu tư cho tổ vượt nghèo, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhập lao động nghèo.

- Quỹ Quốc gia về việc làm (dành 30% vốn theo kế hoạch hàng năm cho vay nhóm hộ thu nhập từ trên 8 triệu đến 12 triệu đồng/người/năm) ưu tiên cho vay các dự án cơ sở sản xuất, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa thu nhập lao động tạo việc làm.

- Nguồn vốn tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng các đoàn thể tập trung cho vay nhóm hộ nghèo thu nhập từ trên 8 triệu đến 12 triệu đồng/người/năm.

- Chương trình hỗ trợ lãi vay cho nông dân thành phố (theo Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố).

- Tiếp tục thực hiện chương trình hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố).

2. Nhóm giải pháp hỗ trợ về kinh tế:

a) Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo, hộ nghèo:

- Kết hợp Chương trình phát triển nguồn nhân lực của từng địa phương theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để mang lại hiệu quả cao. Tổ chức hướng nghiệp dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động nghèo theo từng khu vực gắn liền với yêu cầu phát triển các ngành kinh tế địa phương. Chú trọng hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nhiều loại hình kinh tế khác nhau, nhằm phát triển đồng bộ các chương trình đào tạo, hướng nghiệp cho người lao động tại địa phương.

- Tăng cường công tác hướng dẫn hỗ trợ nâng cao nhận thức, kiến thức kinh nghiệm cách sản xuất, làm ăn cho người nghèo, hộ nghèo. Thực hiện các chương trình phối hợp, lồng ghép với các dự án đầu tư phát triển kinh tế ngành, khu vực để tổ chức chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cho người nghèo, hộ nghèo như: kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sản phẩm nông nghiệp, kỹ thuật sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ và sử dụng nhiều lao động để thu hút lao động, tạo việc làm cho hộ nghèo.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh tại các vùng nông thôn, khai thác nguồn nhân lực nông thôn, sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương, tạo môi trường thuận lợi để giúp hộ nghèo phát triển sản xuất làm ăn và từng bước thoát nghèo. Thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn làm cơ sở cho việc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phân công lao động ở nông thôn. Khuyến khích dân cư nông thôn tự tạo việc làm ngay tại quê hương.

- Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo nghề, tăng cường mối liên kết giữa hệ thống giáo dục và đào tạo nghề với thị trường lao động, với hệ thống dịch vụ và xúc tiến việc làm. Khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ việc làm hoạt động minh bạch và hữu hiệu trong cơ chế thị trường.

b) Phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa của người nghèo, hộ nghèo, phát triển kinh tế hộ gia đình:

- Trong điều kiện kinh tế hàng hóa ngày càng phát triển, các hộ sản xuất hàng hóa, các cơ sở kinh doanh nhỏ và vừa trong mọi lĩnh vực, ngành nghề đang và sẽ phát triển nhanh, thay thế dần các hộ gia đình sản xuất đơn lẻ, tự cung tự cấp và nhất là trong điều kiện cạnh tranh gay gắt và hội nhập, nhu cầu hợp tác trở thành cấp thiết đối với hộ nghèo nếu muốn giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, có hiệu quả, thúc đẩy cạnh tranh và tạo lòng tin để các doanh nghiệp và nhân dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất. Khuyến khích kinh tế tập thể và tư nhân phát triển lâu dài. Đặc biệt là tập trung khuyến khích hình thành và phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, liên kết, các hợp tác xã của người nghèo, hộ nghèo trong mọi lĩnh vực ngành nghề; đáp ứng tốt yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi có hiệu quả; phát triển các dịch vụ đô thị như vệ sinh môi trường, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, các dịch vụ sản xuất và đời sống khác; tập hợp người nghèo, hộ nghèo, xã viên để từng bước mở rộng ngành nghề, vươn lên sản xuất kinh doanh tổng hợp.

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ vốn đầu tư để khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và mở rộng các hoạt động khuyến nông, tư vấn, hỗ trợ thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác để hình thành các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản an toàn; từng bước nhân rộng mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và phát triển các làng nghề gắn với du lịch và xuất khẩu.

- Thực hiện mô hình các Tổng Công ty hoặc Công ty hợp đồng trực tiếp với xã và hộ nghèo phát triển vùng nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm nhằm bảo đảm cho hộ nông dân nghèo có thể tiêu thụ sản phẩm với mức giá không thấp hơn chi phí sản xuất chung.

c) Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng các phường - xã nghèo, khu vực nông thôn và vùng nghèo:

- Tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, xây dựng nông thôn mới. Tập trung công tác quy hoạch, quản lý sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả hơn. Tăng mức ngân sách hỗ trợ đầu tư và hỗ trợ lãi vay ngân hàng để thực hiện Chương trình nước sạch, Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn (nhà vệ sinh, hầm biogas)...

- Xây dựng cơ chế quy định trách nhiệm của Chính quyền địa phương (cấp quận - huyện, phường - xã, thị trấn) phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành, có sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng ở các xã - phường nghèo đã được thành phố và quận - huyện đầu tư.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động trợ giúp cho các xã nghèo và vùng nghèo như giúp phương tiện sinh hoạt; xây nhà vệ sinh tự hoại, gắn điện kế; tập trung đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi nội đồng; đẩy nhanh tiến

độ dự án đầu tư, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi kênh Đông - Củ Chi, bờ bao sông Sài Gòn; các công trình phòng, chống lụt, bão; góp phần cải thiện điều kiện sống và chất lượng cuộc sống vùng nông thôn, ngoại thành và người nghèo, hộ nghèo.

- Các quận - huyện, phường - xã, thị trấn tăng cường vận động thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp hẻm, khai thông, nạo vét cống rãnh, làm sạch đường phố, đầu tư xây dựng thêm nhiều công trình phúc lợi công cộng theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, từng bước làm thay đổi bộ mặt các xã - phường nghèo theo hướng tích cực hơn.

3. Nhóm giải pháp phát triển đời sống văn hóa, tinh thần và tăng cường thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo, hộ nghèo:

a) Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, nâng cao trình độ dân trí và trình độ nghề nghiệp cho người nghèo là một trong những biện pháp trọng tâm của quá trình phát triển và mang tính quyết định đối với chương trình giảm nghèo thành phố.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí và tiền cơ sở vật chất nhà trường cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo. Hỗ trợ học bổng từ Quỹ Vì người nghèo, Quỹ khuyến học và các Quỹ xã hội, từ thiện khác cho học sinh nghèo vượt khó - học giỏi hàng năm; giảm ít nhất 50% các khoản đóng góp khác cho nhà trường. Cụ thể:

+ *Đối với hộ nghèo có thu nhập dưới 10 triệu đồng/người/năm:* Tiếp tục thực hiện chế độ miễn 100% học phí và tiền cơ sở vật chất đối với các em học sinh từ mẫu giáo đến hết bậc phổ thông trung học đang học tại các trường công lập và ngoài công lập trên địa bàn thành phố. Đối với các trường ngoài công lập, mức học phí được miễn tương đương với mức học phí của các trường công lập cùng cấp.

- Từ năm học 2011 đến năm 2015, để thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình hộ nghèo thuộc nhóm hộ này, có con thứ 3 trở lên đi học chỉ được giảm 50% học phí và tiền cơ sở vật chất trường học theo quy định.

+ *Đối với hộ nghèo có thu nhập trên 10 triệu đến 12 triệu đồng/người/năm:* Thực hiện chế độ giảm 50% học phí và tiền cơ sở vật chất cho tất cả học sinh từ mẫu giáo đến hết bậc phổ thông trung học.

- Từ năm học 2011 đến 2015 để thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình hộ nghèo thuộc nhóm hộ này, có con thứ ba trở lên đi học sẽ không giảm học phí và cơ sở vật chất trường học theo quy định.

Đồng thời, thực hiện chính sách khuyến khích miễn, giảm học phí cho học sinh

thuộc diện hộ nghèo học các trường nghề, trường công nhân kỹ thuật và các trường trung học chuyên nghiệp của thành phố.

- Phối hợp với các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn thành phố thực hiện chế độ giảm học phí và cấp học bổng cho sinh viên thuộc diện hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới); ưu tiên cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Quỹ Vì người nghèo để đóng học phí và trang trải chi phí học tập cho các đối tượng này.

- Tập trung thực hiện các biện pháp hạn chế thấp nhất trường hợp con em hộ nghèo trong độ tuổi phải bỏ học hoặc nghỉ học vì lý do mưu sinh của gia đình. Tổ chức vận động đối tượng tham gia các lớp học phổ cập giáo dục (hỗ trợ tập sách giáo khoa và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em học tập); phấn đấu hoàn thành chương trình phổ cập trung học phổ thông đối với thành viên diện hộ nghèo trong năm 2009.

- Có chính sách khuyến khích và tạo cơ hội cho thanh niên nghèo (nhất là khu vực nông thôn) học tập (văn hóa và học nghề) và tìm việc làm, có thu nhập ổn định cuộc sống sau khi tốt nghiệp; tổ chức đào tạo nghề mới cho những người thất nghiệp hoặc chuyển đổi nghề, nhất là lao động nghèo ở khu vực nội thành và các quận mới.

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, nhằm thực hiện tốt chủ trương sinh đẻ có kế hoạch, từ năm 2011 đến năm 2015, khi thực hiện miễn giảm học phí và tiền cơ sở vật chất trường học, sẽ áp dụng biện pháp chế tài (không thực hiện miễn giảm cho thành viên thứ ba trở lên của hộ) đối với các hộ gia đình nghèo vi phạm sinh con thứ ba.

b) Tăng cường thực hiện các chính sách thích hợp và hiệu quả chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, hộ nghèo; giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho người nghèo khi khám và điều trị bệnh; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận dễ dàng các dịch vụ y tế.

- Thực hiện chính sách mua bảo hiểm y tế bắt buộc cho thành viên của hộ nghèo có mức thu nhập từ 8 triệu đồng/người/năm trở xuống và đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời, hỗ trợ người nghèo 50% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế bắt buộc đối với hộ có thu nhập trên 8 triệu đến 12 triệu đồng/người/năm theo phương thức tổ chức vận động hộ nghèo đóng 50% chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế và ngân sách thành phố hỗ trợ 50%. Do mức thu chuẩn nghèo thành phố cao hơn mức chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2006 - 2010; thành phố vận dụng Luật Bảo hiểm y tế cho hộ nghèo thành phố giai đoạn 3 (2009 - 2015) theo chế độ của nhóm đối tượng cận nghèo theo Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14 tháng

8 năm 2009 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính (thực hiện chế độ người nghèo đồng chi trả 20% chi số khám chữa bệnh).

- Tiếp tục thực hiện các chương trình khám chữa bệnh, chăm lo sức khỏe cho người nghèo. Thiết lập hệ thống cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các trạm y tế xã - phường; đào tạo các nhân viên y tế cộng đồng, các kỹ thuật viên y tế để bảo đảm tiến hành tốt các công việc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe và triển khai các hoạt động y tế dự phòng; tăng cường phòng chống các bệnh truyền nhiễm; đặc biệt chăm lo cho đối tượng là người nghèo ở các vùng sâu, vùng xa. Khống chế các bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm thường gặp như: sốt rét, lao, bứu cổ, phong, tâm thần. Chú trọng công tác vệ sinh phòng dịch, đảm bảo cung cấp nước sạch, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sống.

- Đẩy mạnh việc kết hợp chăm sóc sức khỏe với các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đồng thời nâng cao chất lượng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản. Duy trì xu thế giảm sinh một cách vững chắc và nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, hạn chế các tập tục lạc hậu và lối sống có hại cho sức khỏe đối với người nghèo, hộ nghèo.

c) Về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo:

- Tiếp tục thực hiện chính sách xây dựng nhà tình thương, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở theo đề án hỗ trợ nhà ở cho người nghèo đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Thực hiện chương trình di dời, giải tỏa, tái định cư cho 3.000 đến 5.000 căn của hộ nghèo sống trên kênh rạch, các khu nhà lụp xụp trong hẻm sâu theo quy hoạch chỉnh trang đô thị; nâng cấp các khu dân cư đã xuống cấp và xây dựng các khu chung cư mới. Hoàn thành chương trình di dời hộ dân sống ven sông biển và vùng trũng thấp có nguy cơ sạt lở và các khu dân cư mới ở huyện Cần Giờ và Nhà Bè.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay vốn để người nghèo tự sửa chữa nhà, mua nhà dành cho người thu nhập thấp. Dự kiến mỗi năm, giải quyết từ 5.000 đến 10.000 trường hợp vay tiền để sửa chữa nhà; cho từ 200 đến 300 hộ vay tiền để mua nhà dành cho người có thu nhập thấp.

d) Về chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Đẩy nhanh tiến độ điều chỉnh nội dung dự án và triển khai lắp đặt đồng hồ nước cho hộ nghèo ở các quận - huyện.

- Tích cực vận động doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước, tổ chức nước ngoài và nhân dân xây dựng trạm cung cấp nước sinh hoạt cho những khu vực có nhu cầu bức xúc về nước sinh hoạt.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn (theo Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình vệ sinh môi trường nông thôn thành phố giai đoạn 2008 - 2010; cho vay vốn xây dựng nhà vệ sinh tự hoại, hầm biogaz (tập trung tại các quận ven, huyện ngoại thành).

đ) Về chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

- Mở rộng mạng lưới trợ giúp pháp luật để người nghèo có thể tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp luật.

- Khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo để thường xuyên và kịp thời phổ biến những quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước giải đáp, tư vấn về pháp luật cho người nghèo.

e) Đẩy mạnh các vận động cộng đồng xã hội ủng hộ chăm lo cho những hộ nghèo không có điều kiện và khả năng tổ chức cuộc sống có tích lũy để vượt qua mức chuẩn nghèo (hộ già yếu, neo đơn, không còn khả năng lao động...):

- Có chính sách hỗ trợ và vận động các hộ nghèo có thành viên là người tàn tật, bại liệt, người bệnh tâm thần, người già yếu..., đưa những người này vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội của thành phố hoặc các cơ sở bảo trợ xã hội tại cộng đồng nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với hộ có thành viên là người khuyết tật, bại liệt, người bệnh tâm thần, người già yếu nuôi dưỡng tại nhà mà hộ không có khả năng nâng thu nhập thì ngoài tiền trợ cấp xã hội (theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ) hưởng 150.000 đồng/tháng/suất, vận động quỹ xã hội từ thiện hỗ trợ thêm từ 350.000 đến 500.000 đồng/tháng/hộ để đảm bảo ổn định cuộc sống.

- Có chính sách hỗ trợ chi phí mai táng đối với hộ nghèo khi có tang chế: Quỹ Vì người nghèo các cấp và Quỹ xã hội từ thiện hỗ trợ mỗi suất hỏa táng từ 3 - 4 triệu đồng để khuyến khích thực hiện hỏa táng và giúp giảm bớt gánh nặng của gia đình khi có tang chế; đồng thời khuyến khích người dân thực hiện hình thức hỏa táng.

g) Quan tâm thích đáng việc thực hiện bình đẳng về giới:

- Tăng cường phát triển nguồn lực, đào tạo nghề cho phụ nữ nghèo, ưu tiên tạo

việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ, tạo điều kiện cho chủ hộ nghèo là phụ nữ tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Hỗ trợ phụ nữ làm kinh tế, tạo việc làm và giảm nghèo thông qua việc mở rộng huy động vốn và hình thành Quỹ tín dụng hỗ trợ phụ nữ nghèo; khuyến nông, khuyến lâm, đào tạo nghề phi nông nghiệp cho phụ nữ; thành lập các tổ hợp tác nhằm tạo việc làm cho phụ nữ và hỗ trợ lẫn nhau trong kinh doanh; chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, cải thiện môi trường sinh hoạt của địa phương; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em và nâng cao chế độ ăn uống hợp dinh dưỡng cho gia đình, bảo vệ sức khỏe bà mẹ; thực hiện phong trào nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc; Đồng thời, phát động phong trào sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng và dùng các nguồn năng lượng sạch trong sinh hoạt gia đình.

h) Chính sách ưu đãi về thuế và miễn giảm các đóng góp cho hộ nghèo:

- Kiến nghị Trung ương có chính sách miễn hoặc giảm thuế hợp lý cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp có dự án hỗ trợ tạo việc làm cho người nghèo, hộ nghèo. Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của hộ nghèo đề nghị được miễn thuế 2 năm đầu và giảm 50% cho từ một đến hai năm tiếp theo. Kiến nghị Trung ương miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp kể từ năm 2010.

- Tiếp tục thực hiện việc miễn giảm thu thủy lợi phí, miễn thu tiền đóng góp Quỹ phòng chống lụt bão đối với một số đối tượng nông dân, công dân ngoại thành; miễn hoặc giảm một tỷ lệ nhất định các khoản lệ phí, khoản đóng góp ở địa phương.

i) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với Chương trình mục tiêu “3 giảm”; phòng, chống các loại tệ nạn xã hội...; từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người nghèo; làm nền tảng vững chắc cho người nghèo ổn định việc làm và xây dựng cuộc sống mới:

- Tổ chức vận động hỗ trợ thêm máy vô tuyến truyền hình cho các ấp nghèo, các tụ điểm văn hóa; mở thêm các tủ sách lưu động ở vùng sâu, vùng xa thuộc các xã nghèo. Hội Nông dân thành phố và Hội Nông dân các cấp vận động hỗ trợ cho hộ nông dân nghèo chưa có máy vô tuyến truyền hình mỗi hộ 1 máy, nhằm đảm bảo 100% hộ nông dân có máy truyền hình.

- Tổ chức các đội thông tin lưu động thường xuyên về các xã nghèo, tập trung tuyên truyền, vận động nâng cao trình độ hiểu biết thông tin, giới thiệu những gương vượt khó, kinh nghiệm, cách làm hay để vượt nghèo, để vận động người nghèo cùng học tập, phấn đấu làm ăn, cải thiện đời sống của chính mình.

- Khuyến khích trí thức, văn nghệ sĩ thâm nhập thực tế, hòa nhập với cuộc sống của người nghèo để sáng tác những tác phẩm, công trình phục vụ cho việc cải thiện đời sống văn hóa cho đồng bào nghèo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố:

a) Tập trung sự chỉ đạo của Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể các cấp, nhất là cấp quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong tổ chức hỗ trợ chăm lo cải thiện và nâng dần mức sống, chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo theo mục tiêu và lộ trình của thành phố từ năm 2009 - 2015. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, phát triển mở rộng các hoạt động sự nghiệp; đồng thời quan tâm đẩy mạnh các phong trào vận động nhân dân sâu rộng, tạo điều kiện để mọi người đều tham gia giải quyết vấn đề giảm nghèo, theo phương châm xã hội hóa, với vai trò nòng cốt của Nhà nước.

b) Tổ chức triển khai Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 2009 - 2015 thành phố theo cơ chế phối hợp liên ngành; thực hiện lồng ghép chương trình giảm nghèo với các chương trình kinh tế - xã hội, các dự án có liên quan đến mục tiêu giảm nghèo; tập trung chỉ đạo theo từng dự án chuyên đề trọng điểm; ưu tiên cho các huyện - quận nghèo, xã - phường nghèo.

c) Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình vượt nghèo của các Tổ tự quản giảm nghèo, Tổ vượt chuẩn nghèo; các cơ sở thu nhận lao động nghèo; các mô hình ủy thác vốn của quỹ hỗ trợ giảm nghèo qua các đoàn thể và các doanh nghiệp, của chính bản thân các hộ vượt nghèo... tạo thành một phong trào thi đua sôi nổi và đều khắp cùng nhau giảm nghèo, tăng hộ khá ở từng khu phố - ấp, phường - xã, thị trấn đến quận - huyện và trong từng cơ quan, đơn vị.

2. Tập trung thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố, thông qua hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình tại các cấp (thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn) nhằm nắm được tiến độ kết quả thực hiện các chủ trương chính sách và giải pháp hỗ trợ người nghèo và vùng nghèo của thành phố; đồng thời thấy được mức độ phù hợp, tính hiệu quả của chương trình. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm thực tiễn tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các nội dung hoạt động của chương trình đảm bảo hiệu quả cao, mang tính toàn diện và bền vững.

3. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông hỗ trợ công tác giảm nghèo:

a) Phổ biến rộng rãi, quán triệt đầy đủ từ trong nội bộ các ngành, các cấp và ngoài cộng đồng xã hội, nhất là người nghèo, hộ nghèo về quan điểm chỉ đạo và nội dung chương trình giảm nghèo của thành phố, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình) thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền, vận động sáng tác nhiều thể loại phản ánh các hoạt động giảm nghèo, các gương điển hình, mô hình hiệu quả... để nâng cao ý thức vượt khó tự vươn lên, ý thức tiết kiệm, tính cần cù trong lao động, học tập, gắn với kiên quyết chống tư tưởng tự ti mặc cảm, hoặc ỷ lại, trông chờ, giáo dục thuyết phục làm chuyển biến tư tưởng từng hộ nghèo không nỗ lực vượt khó.

b) Khuyến khích các tổ chức xã hội, nhất là thanh niên, học sinh, sinh viên tình nguyện đi về các khu dân cư nghèo, vùng nông thôn nghèo, mở các đợt thông tin tuyên truyền lưu động, phổ biến kiến thức văn hóa, nếp sống mới, vệ sinh phòng bệnh... cho hộ nghèo.

c) Tăng cường các hoạt động truyền thông thích hợp nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người nghèo.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tích cực vận động các phong trào nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo ở từng địa phương, cơ sở:

a) Tổ chức tốt phong trào “tình làng nghĩa xóm” góp sức, góp kinh nghiệm giúp đỡ người nghèo - hộ nghèo; vận động và xây dựng nhiều mô hình tổ - nhóm giảm nghèo, gồm những hộ hội viên, đoàn viên có cuộc sống khá tình nguyện nhận và hỗ trợ giúp cho hộ nghèo trên từng địa bàn khu phố - ấp; trong từng cơ quan, đơn vị (thông qua nhận ủy thác vốn giảm nghèo).

b) Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tập trung giáo dục, thuyết phục làm chuyển biến tư tưởng từng hộ nghèo chưa biết hoặc không biết cách làm ăn, các hộ có người vướng vào tệ nạn xã hội, tạo cho họ ý thức tự vươn lên để giảm nghèo.

c) Ngoài việc phối hợp, huy động các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, khuyến khích những nông dân có kinh nghiệm, kỹ thuật lao động giỏi tham gia tích cực vào các hoạt động hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo.

d) Khuyến khích các tổ chức cộng đồng phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương hỗ trợ giảm nghèo cho các hộ nghèo thuộc cộng đồng dân tộc người Hoa, người Chăm, người Khmer; các cộng đồng dân cư có đạo để đẩy nhanh quá trình giảm nghèo trong các cộng đồng dân cư này.

đ) Quan tâm và có giải pháp phù hợp về vấn đề giới, nhất là phát triển nguồn lực, đào tạo nghề cho phụ nữ, chăm sóc giáo dục trẻ em gái về sức khỏe sinh sản, ưu tiên tạo việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ nghèo.

5. Tổ chức thực hiện tốt công tác điều tra, cập nhật và quản lý hộ nghèo thành phố: Tổ chức điều tra, khảo sát hộ nghèo, có mức thu nhập bình quân đầu người từ 12 triệu đồng/người/năm trở xuống (tương đương 2 USD/người/ngày), kể cả số hộ thuộc diện tạm trú, có hộ khẩu KT3; lập danh sách hộ nghèo để thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo. Thường xuyên kiểm tra, cập nhật biến động (tăng giảm hộ nghèo và thành viên); quản lý chặt chẽ danh sách hộ nghèo hiện có.

6. Tăng cường củng cố nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Tổ tự quản, Tổ vượt nghèo theo hướng từng bước nâng dần xây dựng tổ hợp tác - hợp tác xã và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa của người nghèo.

7. Tăng cường củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo Giảm nghèo, tăng hộ khá các cấp, ổn định về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên trách giảm nghèo từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là cấp phường - xã, thị trấn để đủ sức làm tham mưu cho Cấp ủy, Chính quyền các cấp tổ chức chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo, tăng hộ khá đã đề ra.

VII. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

Các sở - ban - ngành chức năng của thành phố căn cứ vào Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015 và chức năng nhiệm vụ của ngành để hướng dẫn các nội dung hoạt động, xây dựng các chính sách, dự án, các tiêu chí xác định đối tượng trợ giúp, tháo gỡ khó khăn cho các địa phương tổ chức thực hiện; Đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách bổ sung hoàn thiện chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá để kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời. Mọi quan hệ giữa các sở - ban - ngành để thực hiện Chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015 theo cơ chế phối hợp liên ngành, phân công trách nhiệm. Cụ thể như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực Chương trình, có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu giúp Thành ủy, Ủy ban nhân dân và Ban chỉ đạo giảm nghèo, tăng hộ khá thành phố tổ chức chỉ đạo, quản lý, điều hành chương trình trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì phối hợp với các sở - ban - ngành chức năng điều tra, lập danh sách và quản lý đối tượng hộ nghèo theo chuẩn nghèo của thành phố từng giai đoạn; nghiên cứu cơ chế chính sách, chỉ đạo hướng dẫn các quận - huyện xây dựng và thực hiện chương trình. Chủ trì trực tiếp thực hiện các dự án về đào tạo nghề và giải quyết việc làm (kể cả xuất khẩu lao động); đào tạo, tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

- Trực tiếp quản lý điều hành các quỹ hỗ trợ giảm nghèo và quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất; dự toán và cấp kinh phí cho các hoạt động của chương trình; quản lý hệ thống cán bộ chuyên trách giảm nghèo. Tổng hợp các kiến nghị về cơ chế, giải pháp bổ sung hoàn chỉnh chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm cân đối nguồn lực, phục vụ chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố theo kế hoạch hàng năm, 5 năm; theo dõi giám sát việc tổ chức thực hiện của các quận - huyện.

3. Sở Tài chính: Chủ trì xây dựng cơ chế phối hợp và quản lý sử dụng các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn tài trợ từ thiện cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn thành phố; đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Theo dõi cấp phát, hướng dẫn và giám sát chi tiêu thanh quyết toán tài chính đối với nguồn ngân sách thành phố và các quận - huyện đầu tư cho Chương trình.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì và hướng dẫn thực hiện các dự án chương trình khuyến nông - lâm cho hộ nghèo; phát triển các ngành nghề nông thôn; chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phối hợp xây dựng phát triển các tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp có sự tham gia của người nghèo, hộ nghèo.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì hướng dẫn thực hiện về chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo; phối hợp với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hướng dẫn, triển khai dự án nước sinh hoạt cho hộ nghèo ở các quận - huyện.

6. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố: Chủ trì nghiên cứu dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội gắn với giảm nghèo của thành phố theo từng giai đoạn; nghiên cứu các đề tài khoa học có tính chuyên sâu về các lĩnh vực: giảm nghèo đô thị, giảm nghèo ở nông thôn; phân hóa giàu nghèo, khoảng cách giàu nghèo... trên địa bàn thành phố để phục vụ có hiệu quả cho việc xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp của Chương trình mục tiêu giảm nghèo của thành phố.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì thực hiện các giải pháp bảo đảm nâng cao dân trí, trình độ nghề nghiệp cho lao động nghèo; hướng dẫn thực hiện chính sách miễn giảm học phí và tiền cơ sở vật chất trường lớp cho học sinh, sinh viên diện hộ nghèo; phối hợp với Hội Khuyến học xây dựng cơ chế khuyến học, khuyến tài cho học sinh nghèo.

8. Sở Y tế: Chủ trì các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo; dự trù kinh phí, quản lý quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; mua và thanh toán kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo và các đối tượng xã hội, chính sách được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hàng năm. Đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho các hộ nghèo; có kế hoạch tổ chức tiếp cận các hộ nghèo để nâng cao nhận thức và cam kết thực hiện kế hoạch hóa gia đình, duy trì quy mô gia đình hợp lý.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì xây dựng và hướng dẫn triển khai chương trình nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người nghèo; hướng dẫn xây dựng thiết chế quản lý và sử dụng các nhà văn hóa ở các xã, nhất là các xã nghèo, để đưa vào hoạt động có hiệu quả. Hướng dẫn xác định trách nhiệm và nội dung cho các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo, hộ nghèo của thành phố.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan báo, đài; đặc biệt là Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố có trách nhiệm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng, ý nghĩa của chương trình giảm nghèo, tặng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015; tuyên truyền về các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo; tuyên truyền về kết quả hoạt động của chương trình. Từ đó nâng cao trách nhiệm về sự nghiệp giảm nghèo cho toàn xã hội.

11. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, bố trí cán bộ làm công tác giảm nghèo theo hệ thống từ thành phố xuống đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

12. Sở Tư pháp: Chủ trì triển khai chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

13. Liên minh các Hợp tác xã thành phố: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã trong các tổ giảm nghèo của hộ nghèo; phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các quận - huyện triển khai thí điểm các hình thức hợp tác trong một số ngành nghề phù hợp với người nghèo, hộ nghèo theo từng

khu vực, nhất là các quận nội thành và quận đô thị hóa để rút kinh nghiệm, từng bước nhân rộng mô hình.

14. Cục Thống kê: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức điều tra và lập danh sách hộ nghèo theo chuẩn nghèo của thành phố; chịu trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra và xử lý báo cáo các dữ liệu thực trạng nghèo của thành phố.

15. Bảo hiểm xã hội thành phố: Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo) tổ chức cấp phát và thanh toán Thẻ bảo hiểm y tế (bắt buộc) cho người nghèo.

16. Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức quản lý, điều hành tốt các quỹ quốc gia về việc làm, quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm; đảm bảo thực hiện cung cấp nguồn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ.

17. Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Căn cứ Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tăng hộ khá của thành phố giai đoạn 2009 - 2015, tiến hành xây dựng Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá của địa phương giai đoạn 2009 - 2015. Đồng thời xây dựng kế hoạch hàng năm, thông qua cấp ủy để thống nhất và chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn quận - huyện, phường - xã, thị trấn. Tổ chức huy động, vận động các nguồn lực và thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp của Chương trình mục tiêu Giảm nghèo, tăng hộ khá theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn chuyên môn của các sở - ban - ngành liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2010/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 23 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia
phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04 tháng 8 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020;

Xét báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Tư pháp tại Công văn số 36/TP ngày 04 tháng 3 năm 2010 và Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định số 74/BC-TTr ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Thanh tra quận 6;

Xét Tờ trình của Chánh Thanh tra quận 6 tại Văn bản số 60/TTr-TTr ngày 26 tháng 02 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược

quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn quận 6 (Chủ yếu cho giai đoạn từ nay đến năm 2011).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND quận 6, Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng quận 6 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch UBND 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thị Thu Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 trên địa bàn quận 6

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 6)*

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Nhằm ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, loại bỏ dần các cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và của mỗi công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ, chính quyền quận trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kỷ cương, liêm chính, hoạt động hiệu quả; đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

- Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chiến lược); Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật có liên quan một cách thiết thực, kịp thời, hiệu quả.

2. Yêu cầu:

- Chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt về Chiến lược, đảm bảo vừa phổ biến cung cấp kiến thức vừa giáo dục, vận động chấp hành; kết hợp hài hòa các hình thức, biện pháp tuyên truyền; lựa chọn nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải đề cao trách nhiệm người đứng đầu, gương mẫu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; kiên quyết xử lý đối với những hành vi vi phạm để tạo chuyển biến toàn

diện, mạnh mẽ về thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong từng cơ quan, đơn vị.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CỦA CÁC ĐƠN VỊ:

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung chiến lược và các chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân:

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt trong cán bộ, công chức tại cơ quan, đơn vị về Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn; Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố, Quận nhằm giáo dục, nâng cao nhận thức từng cán bộ, công chức. Qua đó thể hiện hành động chống mọi biểu hiện sai trái, tiêu cực, trong đó lãnh đạo đơn vị phải gương mẫu đi đầu. Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện việc công khai trong các lĩnh vực hoạt động; xây dựng chế độ trách nhiệm, quy chế dân chủ theo quy định.

- Giao Phòng Tư pháp quận 6 chủ trì phối hợp với Hội đồng tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa quận 6 biên soạn tài liệu, liên hệ Sở Tư pháp nhận tài liệu để phục vụ cho công tác tuyên truyền về Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố; Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, Tuần tin, Ban biên tập Website và UBND 14 phường đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân.

- Trong quý II năm 2010, Thủ trưởng các Phòng - Ban, các đơn vị sự nghiệp, trường học và Chủ tịch UBND 14 phường phải hoàn thành việc tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của thành phố, quận đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức đồng thời với việc xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Chiến lược trong phạm vi của Phòng - Ban, đơn vị, cơ quan mình (chủ yếu cho giai đoạn từ nay đến năm 2011).

2. Thực hiện các giải pháp của Chiến lược:

2.1. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật:

a) Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ và Văn phòng UBND quận dự thảo quy định theo thẩm quyền của UBND quận về minh bạch hóa quá trình

soạn thảo, trình, ban hành các văn bản thực thi các chính sách, pháp luật của nhà nước; quá trình chuẩn bị, trình, ban hành văn bản hành chính, quyết định cá biệt, hoàn thành chậm nhất tháng 12 năm 2011.

b) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp tổng kết Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 (Quyết định số 30/QĐ-TTg) và xây dựng Kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính giai đoạn 2011 - 2020, hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2011.

c) Công an quận 6 chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp, Thanh tra quận và Văn phòng UBND quận tổ chức tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2011.

d) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thanh tra quận và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định kế hoạch, chương trình thực hiện các chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật. Lập Kế hoạch trình UBND quận 6 phê duyệt trong quý II năm 2010 để tiến hành thanh tra, kiểm tra.

e) Thanh tra quận chủ trì, phối hợp một số cơ quan có liên quan tăng cường kiểm tra, thanh tra nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng theo Kế hoạch thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng được Chủ tịch UBND quận phê duyệt định kỳ hàng năm, không kể các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất của BCD phòng, chống tham nhũng quận.

2.2. Hoàn thiện chế độ công vụ, công chức, nâng cao chất lượng thực thi công vụ:

a) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp rà soát, đánh giá, báo cáo việc phân công, phân cấp, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý; việc quy định chức trách của từng vị trí công tác để đánh giá cán bộ, công chức; Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, chủ động tham mưu tổ chức thực hiện thí điểm việc thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Hoàn thành việc rà soát và thực hiện tháng 9 năm 2010.

b) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp và Thanh tra quận rà soát,

ngiên cứu, báo cáo đề xuất với các cơ quan chức năng các biện pháp, cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, hoàn thành chậm nhất tháng 12 năm 2011.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ dự thảo Quy định theo thẩm quyền của UBND quận về công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức và của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2010.

d) Trên cơ sở các quy định và thực tế, Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ và Phòng Tài chính - Kế hoạch nghiên cứu, báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng nhà công vụ, các mặt bằng do Nhà nước quản lý trên địa bàn quận theo hướng công khai, minh bạch, đúng đối tượng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong việc quản lý, sử dụng nhà công vụ, mặt bằng do Nhà nước quản lý, hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2010.

e) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thanh tra quận tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc minh bạch tài sản, thu nhập, việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp. Lập kế hoạch trình UBND quận phê duyệt trong tháng 6 năm 2010 để tiến hành thanh tra, kiểm tra trong quý 3 năm 2010.

2.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, công bằng, minh bạch:

a) Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Chi cục Thuế quận 6 nghiên cứu, đề xuất kiến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, thuế nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, báo cáo UBND quận để trình cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Thời gian thực hiện chậm nhất tháng 12 năm 2010.

b) Phòng Kinh tế, Thanh tra quận phối hợp Công an quận và Đội Quản lý thị trường 6B tham mưu UBND quận xử lý nghiêm hành vi hối lộ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong việc tham gia đấu thầu, đấu giá; hành vi gian lận thương mại; hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn quận 6 theo đúng quy định pháp luật. Công bố công khai cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm.

2.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng:

a) Thanh tra quận chuyên mạnh sang thực hiện chức năng giám sát hành chính và tăng cường thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật khiếu nại, tố cáo. Từ nay đến năm 2011, tổ chức thanh tra ít nhất 02 cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền.

Qua thanh tra phát hiện kịp thời, kiến nghị xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi tham nhũng và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật không còn phù hợp góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách; chấn chỉnh trật tự kỷ cương và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa bàn.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các Kết luận thanh tra, kiểm tra đã có chỉ đạo xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND Thành phố và Chủ tịch UBND quận 6 liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Qua đó kiến nghị xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cố tình dây dưa, không chấp hành nhằm để tăng cường hiệu lực thi hành các Kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra. Định kỳ hàng năm thành lập Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra chuyên đề này.

b) Thanh tra quận chủ trì, phối hợp với BCĐ phòng, chống tham nhũng quận, Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự quận, các Phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận và UBND 14 phường tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, qua đó nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống tham nhũng, hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2011.

2.5. Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của toàn xã hội trong phòng, chống tham nhũng:

a) Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, Trung tâm Văn hóa quận 6 đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân về biểu hiện, tác hại của tham nhũng và trách nhiệm của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng; tạo điều kiện để nhân dân tích cực chủ động tham gia vào công tác phòng, chống tham nhũng, thực hiện thường xuyên từ nay đến năm 2011.

b) Công an quận chủ trì, phối hợp Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 tổ chức tuyên truyền

sâu rộng đến quần chúng nhân dân Quy định của UBND thành phố về xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng quyền tố cáo để vu khống, gây rối nội bộ làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thời gian thực hiện:

a) Giai đoạn 1 (từ nay đến năm 2011):

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là:

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược.
- Tổ chức triển khai, phổ biến, quán triệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố và của Quận trong toàn hệ thống chính trị.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định, các phòng - ban, đơn vị sự nghiệp và UBND 14 phường có Kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp đã đề ra trong Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố và Quận.
- Triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhất là giải pháp nâng cao năng lực phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng.
- Tập trung rà soát những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, kiên quyết xử lý những vụ việc, hành vi tham nhũng bị phát hiện.
- Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện, thành tựu và hạn chế, phân tích nguyên nhân để rút kinh nghiệm và xây dựng nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn sau.

b) Định hướng giai đoạn 2 (từ năm 2011 đến năm 2016):

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là:

- Bổ sung, hoàn thiện Kế hoạch cho phù hợp với yêu cầu của Chiến lược ở giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016.
- Mở rộng các biện pháp phòng, ngừa như: kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng thực thi công vụ; hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng.
- Tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.
- Sơ kết đánh giá việc thực hiện Kế hoạch đến năm 2016.

c) Giai đoạn 3 (từ năm 2016 đến năm 2020):

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là:

- Bổ sung các giải pháp mới cho phù hợp với yêu cầu của sự phát triển từ năm 2016 đến năm 2020.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các giải pháp đã thực hiện có kết quả trong các giai đoạn trước, triển khai các giải pháp còn lại, bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chiến lược.

- Tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Phân công thực hiện:

- Căn cứ vào nội dung Kế hoạch này, Thủ trưởng các phòng, ban, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận và Chủ tịch UBND 14 phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị, cơ quan mình (chủ yếu từ nay đến năm 2011), trong đó có những nội dung chuẩn bị cho việc thực hiện giai đoạn tiếp theo của Chiến lược. Các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch phải cơ bản hoàn thành. Những nhiệm vụ có quy mô lớn, tính chất phức tạp có thể chuyển tiếp sang kỳ kế hoạch sau nhưng phải xác định ngay trong kế hoạch kỳ này. Kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, nội dung kế hoạch phải phù hợp đặc thù, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Các hoạt động được xác định trong phần nội dung kế hoạch phải quy định thời hạn, gắn liền với trách nhiệm của bộ phận hoặc cá nhân nhất định có đủ điều kiện thực hiện, nhấn mạnh trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng quận 6 (thông qua Thanh tra quận) **chậm nhất ngày 07 tháng 4 năm 2010.**

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí cho các phòng - ban tham mưu UBND quận và UBND 14 phường thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, áp dụng pháp luật có liên quan đã nêu trong kế hoạch theo chế độ, định mức theo quy định.

3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch:

- Thanh tra quận tham mưu UBND quận và BCD Phòng, chống tham nhũng quận trong công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ hoặc đột xuất, BCD phòng, chống tham nhũng quận 6 sẽ thành lập các Đoàn kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Kế hoạch này.

4. Đánh giá, tổng hợp báo cáo, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch:

a) Giao Thanh tra quận tổng hợp báo cáo của tất cả các cơ quan, đơn vị, định kỳ

hàng quý, hàng năm và cuối mỗi giai đoạn triển khai Kế hoạch này có báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện gửi về Văn phòng BCD thành phố về phòng, chống tham nhũng và Thanh tra thành phố.

b) Thanh tra quận chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức sơ kết việc thực hiện giai đoạn I (cuối năm 2011), giai đoạn II (cuối năm 2016) của Kế hoạch đồng thời từng giai đoạn có bổ sung, hoàn thiện các giải pháp cho phù hợp với yêu cầu và tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2020.

5. Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thủ trưởng các phòng, ban, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận và Chủ tịch UBND 14 phường có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 của cơ quan, đơn vị **định kỳ vào ngày 05 Dương lịch của quý I, 6 tháng, quý III và năm** gửi về BCD Phòng, chống tham nhũng quận (thông qua Thanh tra quận).

- Đề nghị các cấp ủy Đảng, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan báo chí cùng toàn thể nhân dân trên địa bàn quận 6 cùng tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thị Thu Vân

**NHIỆM VỤ THUỘC KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC
QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG ĐẾN NĂM 2020**

(Chủ yếu cho giai đoạn từ nay đến năm 2011)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2010 của UBND quận 6)

STT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN		NHIỆM VỤ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI ĐIỂM HOÀN THÀNH (tháng/năm)
1	PHÒNG TƯ PHÁP	1	Biên soạn và phát hành tài liệu, nhận tài liệu (sách, băng, đĩa, tờ gấp, tờ tin, tài liệu hỏi đáp, cầm nang, pa nô, áp phích...) để phục vụ công tác tuyên truyền về Chiến lược, Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố và Quận; các chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.	Các thành viên trong Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Phòng Văn hóa Thông tin; Trung tâm Văn hóa quận.	Trong tháng 3 năm 2010.
		2	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp về những nội dung cơ bản của Chiến lược, Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Thành phố và Quận; các chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 và Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Tháng 4 năm 2010.
		3	Dự thảo quy định theo thẩm quyền của UBND quận về minh bạch hóa quá trình soạn thảo, trình, ban hành các văn bản thực thi các chính sách, pháp luật của nhà nước; quá trình chuẩn bị, trình, ban hành văn bản hành chính, quyết định cá biệt.	Phòng Nội vụ và Văn phòng UBND quận.	Chậm nhất tháng 12 năm 2011

2	PHÒNG NỘI VỤ	1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạch định kế hoạch, chương trình thực hiện các chính sách, xây dựng và thực hiện pháp luật.	Thanh tra quận và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6.	Lập Kế hoạch trình UBND quận 6 phê duyệt trong quý II năm 2010 để tiến hành thanh tra, kiểm tra.
		2	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công vụ, công chức, nhất là việc minh bạch tài sản, thu nhập, việc thực thi công vụ ở những vị trí trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân, tổ chức, doanh nghiệp	Thanh tra quận	Lập kế hoạch trình UBND quận phê duyệt trong tháng 6 năm 2010 để tiến hành thanh tra, kiểm tra trong quý III năm 2010
		3	Rà soát, đánh giá, báo cáo việc phân công, phân cấp, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống trong hoạt động quản lý; việc quy định chức trách của từng vị trí công tác để đánh giá cán bộ, công chức.	Phòng Tư pháp	Chậm nhất tháng 9 năm 2010
		4	Thực hiện thí điểm việc thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	Phòng Tư pháp	Chậm nhất tháng 9 năm 2010
		5	Tổng kết Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010 (Quyết định số 30/QĐ-TTg) và xây dựng Kế hoạch rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính giai đoạn 2011 - 2020	Phòng Tư pháp	Chậm nhất tháng 6 năm 2011
		6	Rà soát, nghiên cứu, báo cáo đề xuất với các cơ quan chức năng các biện pháp, cơ chế miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, tạm đình chỉ chức vụ của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách	Phòng Tư pháp và Thanh tra quận	Chậm nhất tháng 12 năm 2011

3	THANH TRA QUẬN	1	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các Kết luận thanh tra, kiểm tra đã có chỉ đạo xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND thành phố và Chủ tịch UBND quận 6 liên quan đến tham nhũng, tiêu cực. Qua đó kiến nghị xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cố tình dây dưa, không chấp hành để tăng cường hiệu lực thi hành các Kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra		Trong quý IV năm 2010.
		2	Tăng cường kiểm tra, thanh tra nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng theo Kế hoạch thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng được Chủ tịch UBND quận phê duyệt định kỳ hàng năm	Một số cơ quan có liên quan	Trong quý II và quý IV năm 2010.
		3	Xây dựng kế hoạch và thành lập Đoàn Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Văn phòng UBND quận; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận; Phòng Tài nguyên - Môi trường và Thanh tra Xây dựng	Quý III hàng năm.
		4	Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Qua đó nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống tham nhũng.	BCĐ Phòng, chống tham nhũng quận, Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự quận, các Phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận và UBND 14 phường	Hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2011

4	PHÒNG TC-KH	1	Dự thảo Quy định theo thẩm quyền của UBND quận về công khai việc thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức và của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Phòng Nội vụ	Hoàn thành chậm nhất tháng 6 năm 2010
		2	Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí cho các phòng - ban, UBND 14 phường thực hiện công tác xây dựng văn bản pháp luật có liên quan đã nêu trong kế hoạch theo chế độ, định mức do Nhà ước quy định		Từ nay đến năm 2011
5	CÔNG AN QUẬN	1	Tổng kết việc thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước trong thời kỳ hội nhập.	Phòng Tư pháp, Thanh tra quận và Văn phòng UBND quận	Chậm nhất tháng 6 năm 2011
		2	Tuyên truyền sâu rộng đến quần chúng nhân dân Quy định của UBND thành phố về xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng quyền tố cáo để vu khống, gây rối nội bộ làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội	Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6	Trong quý IV năm 2010
6	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ		Báo cáo đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng nhà công vụ, các mặt bằng do Nhà nước quản lý trên địa bàn quận theo hướng công khai, minh bạch, đúng đối tượng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong việc quản lý, sử dụng nhà công vụ, mặt bằng do Nhà nước quản lý	Phòng Nội vụ và Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chậm nhất tháng 6 năm 2010

7	PHÒNG KINH TẾ	Đề xuất kiến nghị các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, thuế nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	Chi cục Thuế quận 6	Chậm nhất tháng 12 năm 2010
---	----------------------	---	---------------------	-----------------------------

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng